

Số: **134** /2017/TT-BQP

Hà Nội, ngày **25** tháng **5** năm 2017

THÔNG TƯ

Quy định danh mục, tiêu chuẩn bậc trình độ kỹ năng nghề của công nhân quốc phòng tương ứng với nghề đặc thù chuyên ngành kỹ thuật đặc công

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 35/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 83/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định bậc trình độ kỹ năng nghề, điều kiện nâng bậc của công nhân quốc phòng;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Kỹ thuật,

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định danh mục, tiêu chuẩn bậc trình độ kỹ năng nghề của công nhân quốc phòng tương ứng với nghề đặc thù chuyên ngành kỹ thuật đặc công.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định danh mục, tiêu chuẩn bậc trình độ kỹ năng nghề của công nhân quốc phòng tương ứng với ngành, nghề đặc thù chuyên ngành kỹ thuật đặc công; trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị và cá nhân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với công nhân quốc phòng chuyên ngành kỹ thuật đặc công thực hiện nhiệm vụ theo vị trí, việc làm được giao; các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Tiêu chuẩn chung đối với công nhân quốc phòng chuyên ngành kỹ thuật đặc công

1. Bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc và Nhân dân; chấp hành nghiêm luật pháp của Nhà nước, kỷ luật của Quân đội; có sức khỏe, tác phong, phương pháp công tác đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

2. Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông và tương đương trở lên; được đào tạo và cấp chứng chỉ nghề bảo đảm kỹ thuật khí tài nước theo quy định; hiểu được một số kiến thức chung về Điều lệ công tác kỹ thuật Quân đội nhân dân Việt Nam, các quy định trong công tác kỹ thuật đặc công; có kiến thức về quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

3. Trong cùng một nghề, người có trình độ kỹ năng nghề bậc cao hơn phải nắm chắc nội dung và thực hiện thành thạo công việc của bậc thấp hơn; người có trình độ kỹ năng nghề bậc thấp hơn phải nắm được nội dung cơ bản và có kỹ năng thực hành một số công việc của bậc cao hơn khi có hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

4. Hiểu biết và chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về lao động; nội quy, quy trình, quy phạm kỹ thuật về an toàn lao động, phòng chống cháy; quy định về giữ gìn, bảo vệ tài sản, vũ khí trang bị kỹ thuật của Nhà nước và của Quân đội; triệt để thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Chương II

DANH MỤC NGHỀ VÀ BẬC TRÌNH ĐỘ KỸ NĂNG NGHỀ

Điều 4. Danh mục nghề

Nghề bảo đảm kỹ thuật khí tài nước.

Điều 5. Bậc trình độ kỹ năng nghề

Nghề bảo đảm kỹ thuật khí tài nước gồm 7 bậc, như sau:

1. Bậc thấp: Từ bậc 1/7 đến bậc 4/7.
2. Bậc cao: Từ bậc 5/7 đến bậc 7/7.

Chương III

TIÊU CHUẨN BẬC TRÌNH ĐỘ KỸ NĂNG NGHỀ

Điều 6. Tiêu chuẩn trình độ kỹ năng nghề bậc 1

1. Kiến thức chuyên môn

a) Nắm được công dụng, tính năng chiến, kỹ thuật; cấu tạo và hoạt động của các loại khí tài lặn hở, khí tài lặn kín, nửa kín và một số trang bị hỗ trợ, bảo đảm chính: La bàn nước, đồng hồ đo độ sâu, máy đẩy người nhái; quy trình chuẩn bị sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng và quy tắc bảo đảm an toàn trong khai thác sử dụng trang bị khí tài nước.

b) Có kiến thức cơ bản về y học sinh lý lặn.

2. Kỹ năng thực hành

a) Thực hiện được nội dung chuẩn bị sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng khí tài lặn hở, khí tài lặn kín, nửa kín và một số trang bị hỗ trợ, bảo đảm chính.

b) Kiểm tra được hoạt động của một số khí tài lặn hở, khí tài lặn kín; nắm được các thông số kỹ thuật đơn giản như: Áp suất chai khí, thiết bị đo nồng độ ô xy, đồng hồ đo độ sâu, la bàn nước.

c) Có khả năng tiếp nhận, ghi chép, chuyển tải thông tin theo yêu cầu và tham gia làm việc trong tổ, nhóm; thực hiện các nội dung bảo đảm kỹ thuật; chịu trách nhiệm một phần đối với kết quả công việc được giao.

Điều 7. Tiêu chuẩn trình độ kỹ năng nghề bậc 2

1. Kiến thức chuyên môn

a) Nắm được công dụng, đặc điểm; tính năng chiến, kỹ thuật; cấu tạo, nguyên lý hoạt động của các loại khí tài lặn hở, khí tài lặn kín, khí tài lặn kín và nửa kín cũng như một số trang bị hỗ trợ bảo đảm như: Máy nén khí, máy truyền khí; nội dung, quy trình, quy tắc bảo đảm an toàn trong chuẩn bị sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng trang bị khí tài nước.

b) Có kiến thức về kiểm tra kỹ thuật, phân cấp chất lượng; hiểu biết về các loại hóa chất sử dụng cho khí tài lặn kín; kín và nửa kín.

2. Kỹ năng thực hành

a) Thực hiện thành thạo nội dung chuẩn bị sử dụng, bảo quản khí tài lặn hở, khí tài lặn kín và một số loại trang thiết bị hỗ trợ; làm được một số nội dung bảo dưỡng và sửa chữa nhỏ đối với khí tài lặn hở.

b) Kiểm tra được hoạt động khí tài lặn và một số trang thiết bị đồng bộ; vận hành thành thạo máy nén khí, nạp khí vào các chai chứa khí, bình chứa khí; tháo, lắp được cụm chi tiết của khí tài lặn hở, khí tài lặn kín, nửa kín.

c) Có khả năng suy xét, phán đoán và giải thích thông tin; làm việc độc lập trong tổ, nhóm; chịu trách nhiệm cơ bản với kết quả công việc được giao.

Điều 8. Tiêu chuẩn trình độ kỹ năng nghề bậc 3

1. Kiến thức chuyên môn

a) Nắm được công dụng, đặc điểm; tính năng chiến, kỹ thuật; cấu tạo và nguyên lý hoạt động của tất cả các loại khí tài lặn, các thiết bị kiểm tra và trang thiết bị hỗ trợ bảo đảm chính hiện có.

b) Hiểu được yêu cầu kỹ thuật, phương pháp kiểm tra các loại khí tài lặn.

2. Kỹ năng thực hành

a) Sử dụng thành thạo thiết bị, dụng cụ để đo đạc, kiểm tra, kiểm nghiệm thông số kỹ thuật của các loại khí tài lặn hở và một số chỉ tiêu kỹ thuật của khí tài lặn kín, nửa kín.

b) Bảo dưỡng, kiểm tra, hiệu chỉnh các chỉ tiêu kỹ thuật của khí tài lặn hở, như: Bộ phôi thở, bộ giảm áp, van an toàn, cụm van khí chính, chai chứa khí và